

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 9 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đình Hưng.
2. Bà Đinh Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1990.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.
 - Bị đơn: Anh Võ Thành N, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.
- Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Th, trình bày:

Chị và anh Võ Thành N quen biết, tìm hiểu, yêu thương được một thời gian thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi vào tháng 9 năm 2014.

Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống hạnh phúc một thời gian tại xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không lo cho gia đình, không chăm sóc vợ con, chơi bời, đánh đập vợ con. Chị Th đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, phần ai nấy sống, không quan tâm nhau. Xét thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Võ Thành N.

Về con chung: Có 02 con chung, tên là Võ Thị Kim C, sinh ngày: 31/5/2009 và Võ Thị Kim D, sinh ngày: 16/8/2017. Hiện nay các con đang chung sống với chị Th; khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục chăm sóc các con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Thành N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hồ sơ không thể hiện ý kiến của anh N.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại chính quyền, đoàn thể địa phương. Về phía địa phương không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn vì không nghe chị Th hay anh N cũng như Chi hội phụ nữ thôn Đ báo.

- Qua làm việc với ông Võ Thành B là cha đẻ anh N, ông B cho hay anh N nghiện đã được 3-4 năm hiện tại đang cai nghiện tại nhà. Do anh N nghiện ngập nên vợ chồng anh N, chị Th xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, hiện các con của họ sống với chị Th.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không trình bày ý kiến, bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo Giấy triệu tập của Tòa nhưng không có lý. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm vào các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th. Đối với 02 con chung, tên là Võ Thị Kim C, sinh ngày: 31/5/2009 và Võ Thị Kim D, sinh ngày: 16/8/2017, hiện nay đang sống chung với chị Th, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu C, cháu D cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Th tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Võ Thành N hiện tại có chỗ ở tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Võ Thành N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số: 92/2020/ TLST-HNGĐ, ngày 08/5/2020; giấy triệu tập số: 123 /GTrT-TA ngày 04/6/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 92 /TB-TA ngày 06/7/2020; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 377 /TB-TA ngày 17/7/2020; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ số: 76/TB-TA ngày 28/7/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2020, nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị Th là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Võ Thành N tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã N và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh N là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị Th và anh N có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên chị Th và anh N đoàn tụ, nhưng anh N không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ quan anh N không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, phù hợp với lời trình bày của chị Th là quan hệ tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th, cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Võ Thành N là phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Th và anh N có 02 con chung, tên là Võ Thị Kim C, sinh ngày: 31/5/2009 và Võ Thị Kim D, sinh ngày: 16/8/2017.

Hội đồng xét xử xét thấy, các cháu C, cháu D hiện đang được chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu C trên 07 tuổi có nguyện vọng sống với chị Th; chị Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C, cháu D còn anh N không có lời khai nên không xác định được ý kiến của anh N có yêu cầu được nhận nuôi dưỡng các con hay không. Hiện nay chị Th có công việc làm và có thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu C, cháu D, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Th, giao các cháu C, cháu D cho chị Trần Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: Tại Bản tự khai ngày 27/7/2020 chị Th rút ý kiến về việc anh N cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Th. Chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Võ Thành N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Thị Kim C, sinh ngày: 31/5/2009 và cháu Võ Thị Kim D, sinh ngày: 16/8/2017 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Võ Thành N không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khi có lý do chính đáng, chị Th và anh N có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002381 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Th và anh Võ Thành N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- UBND xã N, huyện TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa